

BÁO CÁO

**Về thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non,
phổ thông và tình hình nhà vệ sinh, công trình nước sạch
trong các cơ sở giáo dục**

Thực hiện Công văn số 694/GDDT-KHTC ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về báo cáo công tác rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và tình hình nhà vệ sinh, công trình nước sạch trong các cơ sở giáo dục;

Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ báo cáo kết quả thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và tình hình nhà vệ sinh, công trình nước sạch trong các cơ sở giáo dục như sau:

PHẦN 1. THỰC HIỆN RÀ SOÁT, SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG

I. Khái quát về điều kiện tự nhiên, xã hội huyện

1. Về diện tích, dân số

Cần Giờ là huyện ngoại thành của thành phố Hồ Chí Minh, nằm về hướng Đông Nam, cách trung tâm thành phố 50 km theo đường chim bay, có hơn 20 km bờ biển chạy dài theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, có các cửa sông lớn của các con sông Lòng Tàu, Cái Mép, Gò Gia, Thị Vải, Soài Rạp, Đồng Tranh. Huyện có tổng diện tích tự nhiên 71.361 ha, chiếm 1/3 diện tích thành phố, trong đó 70% diện tích rừng ngập mặn và sông rạch; hai sông Lòng Tàu và Soài Rạp là tuyến đường thủy quan trọng cho các tàu có trọng tải lớn từ biển Đông ra vào thành phố. Dân số đến nay là 75.452 người (số liệu năm 2018). Về hành chính, có 06 xã và 01 thị trấn, trong đó xã Thạnh An là xã nằm trên cù lao Phú Lợi như một hòn đảo cách xa đất liền 07 km, trung tâm Huyện đặt tại thị trấn Cần Thạnh.

Tổng số trường trên địa bàn huyện: 39 trường (11 trường mầm non; 16 trường tiểu học; 01 trường chuyên biệt Cần Thạnh; 7 trường trung học cơ sở, 03 trường trung học phổ thông và 01 trường trung học cơ sở - trung học phổ thông).

2. Đánh giá ưu điểm, nhược điểm và những bất cập của mạng lưới trường học đối với việc nâng cao chất lượng dạy học, chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội

- Ưu điểm:

Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng phát triển mạng lưới trường lớp huyện giai đoạn 2016 - 2020; quan tâm công tác đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây mới trường học đảm bảo khang trang phục vụ tốt công tác

dạy và học cho con em nhân dân địa phương, không có trường nào có cơ sở vật chất yếu kém.

- Hạn chế

+ Trong những năm qua, việc bố trí vốn đầu tư cho các dự án trường học gặp nhiều khó khăn dẫn đến tiến độ thực hiện một số dự án còn chậm. Còn nhiều dự án đầu tư xây dựng trường học theo kế hoạch đã trình thành phố chưa được chấp thuận.

+ Nguồn vốn thường xuyên cấp hàng năm cho giáo dục Cần Giờ rất thấp và phần lớn là để chi trả lương và các khoản có tính chất như lương. Trong khi đó, đơn vị trường học thì nhiều, cơ sở bị xuống cấp, hư hỏng. Do đó công tác bảo trì, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất hàng năm từ nguồn kinh phí này gặp nhiều khó khăn.

+ Địa bàn huyện rộng, dân cư phân tán nên để đáp ứng nhu cầu học của con em địa phương, trường lớp được thành lập và hoạt động với quy mô nhỏ, một số trường có thêm điểm lẻ, trong khi phân bổ kinh phí chủ yếu tính trên đầu học sinh.

+ Việc thực hiện xã hội hóa phát triển sự nghiệp giáo dục thông qua việc huy động các nguồn lực xã hội đạt kết quả chưa cao.

II. Chủ trương của địa phương

- Văn bản của thành phố

+ Quyết định số 4821/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ.

+ Công văn số 2154/SQHKT-QHC&HT ngày 13 tháng 6 năm 2008 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về ý kiến góp ý về quy hoạch chi tiết mạng lưới trường học huyện Cần Giờ.

+ Công văn số 2833/GDDT-KHTC ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Sở Giáo dục và Đào tạo về thỏa thuận quy hoạch chi tiết mạng lưới trường học trên địa bàn huyện Cần Giờ đến năm 2020.

- Văn bản của huyện

+ Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành Giáo dục và Đào tạo huyện đến năm 2020.

+ Chương trình hành động số 05-CTrHĐ/HU ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về thực hiện Chương trình hành động số 46-CTrHĐ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (Chương trình hành động số 05-CTrHĐ/HU).

+ Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện ban hành Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo huyện đến năm 2020.

+ Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện về phê duyệt Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện giai đoạn 2010 - 2015.

+ Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện về ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 05-CTrHĐ/HU của Huyện ủy trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2016 - 2020.

+ Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 15/3/2016 về ban hành kế hoạch thực hiện công trình đột phá xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất giai đoạn 2016 - 2020.

+ Công văn số 3284/UBND ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện duy trì, không duy trì, tách thành lập mới các điểm trường trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2020.

- Về nguồn lực tài chính để thực hiện các chương trình, đề án

Đầu tư ngân sách nhà nước có định hướng, trọng điểm theo hướng đầu tư đến đâu đạt chuẩn đến đó, không bình quân dàn trải cho các cơ sở giáo dục công lập. Từng bước chuẩn hóa, hiện đại cơ sở vật chất nhà trường, đảm bảo đủ nguồn lực tài chính và phương tiện dạy học tối thiểu của tất cả các cơ sở giáo dục. Đảm bảo phát triển hoàn chỉnh theo cơ cấu giáo dục quốc dân. Xác định mục tiêu đầu tư trong từng giai đoạn. Để thực hiện chương trình, Ủy ban nhân dân huyện thực hiện từ các nguồn: thường xuyên, sửa chữa có mục tiêu, Nông thôn mới, xã hội hóa

III. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân huyện đã phân công các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch thực hiện Chương trình hành động 05 của Huyện ủy về thực hiện Chương trình hành động số 46-CTrHĐ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; cụ thể như sau:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo là cơ quan Thường trực, tham mưu Ủy ban nhân dân thành lập Ban Chỉ đạo, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện kế hoạch; chủ động phối hợp với các phòng, ban, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các đơn vị trường học, các cơ quan đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện thực hiện Chương trình hành động số 05-CTrHĐ/HU; tham mưu Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy, Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện từng năm, kế hoạch thực hiện cho năm tiếp theo (mỗi năm 01 lần vào quý IV). Xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2016 - 2020, kế

hoạch cụ thể từng năm và chỉ đạo các đơn vị trường học (theo phân cấp quản lý) xây dựng kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu bố trí đủ kinh phí trong từng năm để thực hiện (bao gồm chi thường xuyên, chi xây dựng, sửa chữa trường lớp, mua sắm trang thiết bị giáo dục, chi hỗ trợ đào tạo).

- Phòng Quản lý Đô thị phối hợp với các bên liên quan tổ chức thực hiện tốt công tác thẩm định các dự án trường học trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt theo thẩm quyền.

- Phòng Nội vụ phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trong việc đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển, tuyển dụng, thực hiện các chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên theo yêu cầu nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên trong toàn ngành.

- Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình huyện chịu trách nhiệm tổ chức triển khai việc xây dựng trường lớp theo quy hoạch và theo chủ trương đầu tư của huyện đúng thời gian, kịp tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình.

- Các đơn vị trường học trực thuộc huyện xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học, báo cáo kết quả thực hiện hàng năm về Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo) để tổng hợp, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo và Ban Thường vụ Huyện ủy.

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch thực hiện hàng năm với các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể phù hợp với tình hình thực tế ở từng địa bàn xã, thị trấn để góp phần thực hiện có hiệu quả.

2. Kết quả thực hiện

- Trước khi có Công văn số 3284/UBND của Ủy ban nhân dân huyện, toàn ngành Giáo dục và Đào tạo huyện có 12 trường có điểm trường với tổng cộng 20 điểm trường với 56 phòng học, cụ thể:

- + Ngành học mầm non: 07 trường/11 trường có điểm trường, với 15 điểm trường có 23 phòng học.

- + Cấp tiểu học: 05 trường/15 trường có điểm trường, với 05 điểm trường có 33 phòng học.

- Sau khi có Công văn số 3284/UBND của Ủy ban nhân dân huyện, toàn ngành Giáo dục và Đào tạo huyện có 10 trường có 12 điểm trường với 38 phòng học, cụ thể:

- + Ngành học mầm non: 07 trường/11 trường có điểm trường, với 9 điểm trường có 22 phòng học

- + Cấp tiểu học: 03 trường/16 trường có điểm trường, với 3 điểm trường có 16 phòng học.

- Dự kiến đến năm 2020 và lộ trình đến năm 2025 tiếp tục duy trì 11 điểm trường (*số liệu biểu mẫu đính kèm*)

3. Những giải pháp thực hiện

- Chủ động trong công tác xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm theo quy hoạch mạng lưới trường lớp đã được phê duyệt.

- Đề xuất, kiến nghị thành phố bố trí vốn đầu tư hợp lý cho các dự án để đảm bảo tiến độ triển khai thực hiện dự án và đưa vào sử dụng đúng kế hoạch nhằm đảm bảo đến năm 2020, có 100% trường đạt chuẩn về cơ sở vật chất nhằm thực hiện tốt Chương trình hành động số 46-CTrHĐ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Tổ chức điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới trường học trên địa bàn cho phù hợp với tình hình thực tế về quy mô dân số và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030.

- Tổ chức lồng ghép nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trường học trong các chương trình mục tiêu quốc gia như Chương trình Nông thôn mới, Đề án tiếng Anh và các chương trình mục tiêu khác. Thực hiện phương thức xã hội hóa giáo dục và đào tạo, đa dạng hóa các loại hình trường học.

- Bố trí mạng lưới trường, lớp học hợp lý, đồng đều giữa các khu vực; thành lập thêm một số trường học mới ở những khu vực đông dân cư hiện đang thiếu, từng bước hiện đại hoá nhà trường để mở rộng quy mô và chất lượng đào tạo, đảm bảo đủ điều kiện để con em trong độ tuổi ở tất cả các khu vực đều được đến trường.

- Thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng và phát huy có hiệu quả hiện trạng cơ sở vật chất trường lớp hiện có để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn. Phối hợp với các bên liên quan thực hiện có hiệu quả công tác tuyển sinh, nhất là đối với trẻ mầm non.

4. Những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện

- Chưa có chế độ hỗ trợ cho học sinh vùng sâu, vùng xa còn khó khăn như: học sinh tại Thiêng Liêng phải đi đò qua xã Thanh An học.

- Chất lượng giáo dục chưa đồng đều, vẫn còn một vài đơn vị chưa khắc phục khó khăn, phấn đấu vươn lên, tạo được chuyển biến mới mẻ trong đổi mới quản lý giáo dục.

- Còn có công trình đầu tư xây dựng trường lớp chậm do còn vướng thủ tục thỏa thuận đền bù giải tỏa.

IV. Kiến nghị, đề xuất

1. Đối với Ủy ban nhân dân Thành phố

- Giải pháp về đất:

+ Bố trí nguồn vốn bồi thường giải phóng mặt bằng cho toàn bộ quỹ đất đến năm 2020. Đây là giải pháp cơ bản để giữ được quỹ đất cho quá trình phát triển lâu dài (chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ thấp và tính khả thi cao hơn). Trong

quá trình quản lý, quỹ đất sẽ được đưa vào xây dựng các trường học theo phân kỳ đầu tư theo từng năm cụ thể, nếu chưa thực hiện xây dựng thì sẽ được thực hiện dưới hình thức xây dựng công viên cây xanh hoặc giao cho khai thác có thời hạn và bàn giao xây dựng trường học theo kế hoạch.

+ Khi tổ chức lập, thẩm định và duyệt quy hoạch các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp mới phải có chỉ tiêu quy hoạch về quỹ đất cho giáo dục và đào tạo và khi thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phải gắn với việc xây dựng các trường học để đảm bảo không bị quá tải khi hình thành các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp mới.

- Giải pháp về nguồn vốn:

Kiến nghị thành phố ưu tiên bố trí nguồn vốn phân cấp có mục tiêu cho huyện để tổ chức bảo trì, sửa chữa, mua sắm bổ sung trang thiết bị hàng năm cho ngành giáo dục Cần Giờ vào dịp hè mỗi năm học. Vì trên địa bàn huyện có nhiều cơ sở giáo dục có nhiều điểm lẻ và đây là khu vực có địa chất, thủy văn tác động xấu đến công trình xây dựng nên phải thường xuyên bảo trì, sửa chữa để đảm bảo tuổi thọ công trình.

PHẦN 2. NHÀ VỆ SINH VÀ CÔNG TRÌNH NƯỚC SẠCH TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG

I. Khái quát thực trạng nhà vệ sinh và công trình nước sạch trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông

- Thực trạng nhà vệ sinh học sinh từng cấp, cụ thể:

+ Tỷ lệ trường có nhà vệ sinh: 39/39 (100%).

+ Tỷ lệ nhà vệ sinh đạt chuẩn (theo quy định tại Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016): 39/39 (100%).

- Thực trạng nhà vệ sinh giáo viên: đảm bảo đầy đủ về số lượng và các yêu cầu về nhà vệ sinh giáo viên.

- Thực trạng về công trình nước sạch từng cấp: 39/39 trường có công trình nước sạch theo qui định.

- Tổng hợp số liệu thống kê theo các biểu mẫu 6, 7, 8, 9 kèm theo.

II. Chủ trương của địa phương

Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên quan tâm chỉ đạo các ban, ngành chức năng khảo sát, sửa chữa, nâng cấp nhà vệ sinh và công trình nước sạch tại tất cả các cơ sở giáo dục theo quy định.

- Đối với cơ sở giáo dục mầm non: yêu cầu thiết kế áp dụng theo tiêu chuẩn quy định tại mục 5.2.7 và mục 5.5.8 của Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3907:2011) ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN.

- Đối với trường tiểu học; lớp tiểu học và trong trường chuyên biệt: yêu cầu thiết kế áp dụng theo tiêu chuẩn quy định tại mục 5.6.1, mục 5.6.2 và mục 5.6.3 của Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 8793:2011) ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN.

- Đối với trường trung học cơ sở; lớp trung học cơ sở: yêu cầu thiết kế áp dụng theo quy định tại mục 5.6 của Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 8794:2011) ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN.

Trong năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện đã đầu tư sửa chữa, nâng cấp, cải tạo công trình vệ sinh của 04 đơn vị trường, với tổng số kinh phí sửa chữa là 49.000.000 đồng.

Tổng hợp số liệu thống kê biểu mẫu rà soát nhà vệ sinh và công trình nước sạch trong các cơ sở giáo dục (đính kèm).

III. Công tác quản lý, sử dụng nhà vệ sinh và công trình nước sạch trong trường học

1. Hình thức quản lý, sử dụng, vệ sinh

Các đơn vị trường mầm non thực hiện hình thức giao nhân viên quản lý, dọn dẹp công tác vệ sinh trong nhà trường.

Các đơn vị trường tiểu học và trung học cơ sở giao nhân viên kết hợp học sinh tự quản công tác vệ sinh trong nhà trường.

2. Đánh giá kết quả

- Nhà vệ sinh trong các đơn vị trường học bảo đảm có đầy đủ trang thiết bị, sạch sẽ, không có mùi.

- Công trình nước sạch các đơn vị trường học bảo đảm số lượng và chất lượng, thường xuyên thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng theo đúng qui định

3. Khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện: không có

IV. Kiến nghị, đề xuất: không có

Trên đây là báo cáo về thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và tình hình nhà vệ sinh, công trình nước sạch trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện Cần Giờ.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng KHTC;
- Thường trực UBND huyện;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Phòng Quản lý đô thị;
- Ban Quản lý ĐTXD CT;
- Phòng Nội vụ;
- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện;
- VP: CVP, PCVP/TH;
- Lưu: VT, H. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Thị Ngọc Cẩm

(Kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 22 tháng 1 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

(Kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 22 tháng 1 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

[illegible]

(Kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

[illegible]

TỔNG HỢP RÀ SOÁT, SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Báo cáo số 151/L/BC-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

STT	Tên Huyện (Quận)	Số Xã (Phường)	Tổng số trường	Điểm trường (không tính trường chính)			Tại điểm trường chính						Tại điểm trường lẻ					
				Số trường có điểm trường	Số trường có từ 3 điểm trường trở lên	Tổng số điểm trường	Số lớp	Số học sinh	Số phòng học	Số cán bộ quản lý	Số giáo viên	Số nhân viên	Số lớp	Số học sinh	Số phòng học	Số cán bộ quản lý	Số giáo viên	Số nhân viên
I. THỜI ĐIỂM TRƯỚC THÁNG 8/2018																		
1	Cần Giờ	7	8	0	0	0	138	4446	155	16	269	71	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng													0	0	0	0	0	0
II. KẾ HOẠCH DÒN DỊCH CÁC TRƯỜNG, ĐIỂM TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2020																		
1	Cần Giờ	7	7	0	0	0	134	4674	155	14	251	62	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng													0	0	0	0	0	0
III. KẾ HOẠCH DÒN DỊCH CÁC TRƯỜNG, ĐIỂM TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2025																		
1	Cần Giờ	7	7	0	0	0	146	5141	155	14	277	62	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng													0	0	0	0	0	0

TỔNG HỢP RÀ SOÁT, SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Báo cáo số 1522/BC-UBND ngày 22 tháng 1 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

STT	Tên Huyện (Quận)	Số Xã (Phường)	Tổng số trường	Điểm trường (không tính trường chính)		Tại điểm trường chính						Tại điểm trường lẻ					
				Số trường có điểm trường	Tổng số điểm trường	Số lớp	Số học sinh	Số phòng học	Số cán bộ quản lý	Số giáo viên	Số nhân viên	Số lớp	Số học sinh	Số phòng học	Số cán bộ quản lý	Số giáo viên	Số nhân viên
I. THỜI ĐIỂM TRƯỚC THÁNG 8/2018																	
1	Cần Giờ	7	3	0	0	59	2417	73	7	132	32	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng												0	0	0	0	0	0
II. KẾ HOẠCH DÒN DỊCH CÁC TRƯỜNG, ĐIỂM TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2020																	
1	Cần Giờ	7	4	0	0	63	2505	78	9	172	41	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng												0	0	0	0	0	0
III. KẾ HOẠCH DÒN DỊCH CÁC TRƯỜNG, ĐIỂM TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2025																	
1	Cần Giờ	7	4	0	0	65	2630	78	9	172	41	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng												0	0	0	0	0	0



**TỔNG HỢP RÀ SOÁT NHÀ VỆ SINH VÀ CÔNG TRÌNH NƯỚC SẠCH
TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON**

(Kèm theo Báo cáo số 152 /UBND- BC ngày 29 tháng 7 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giỏi)

	Tên Huyện (Quận)			Cần Giờ	Tổng cộng		
1	Nhà vệ sinh trẻ em nam	Công trình khép kín	Kiên cố	Số lượng	62		
				Diện tích (m2)	632.8		
			Bán kiên cố	Số lượng	0		
				Diện tích (m2)	0		
			Mượn, tạm	Số lượng	0		
				Diện tích (m2)	0		
		Công trình liên kết	Kiên cố	Số lượng	0		
				Diện tích (m2)	0		
			Bán kiên cố	Số lượng	0		
				Diện tích (m2)	0		
			Mượn, tạm	Số lượng	0		
				Diện tích (m2)	0		
		Số lượng chậu xí				581	
Số lượng chậu tiểu				581			
Diện tích chỗ đi tiểu (m2) (nếu không có chậu tiểu)							
Số lượng chậu rửa tay				319			
2	Nhà vệ sinh trẻ em nữ	Công trình khép kín	Kiên cố	Số lượng	69		
				Diện tích (m2)	704.2		
			Bán kiên cố	Số lượng	0		
				Diện tích (m2)	0		
			Mượn, tạm	Số lượng	0		
				Diện tích (m2)	0		
		Công trình liên kết	Kiên cố	Số lượng	0		
				Diện tích (m2)	0		
			Bán kiên cố	Số lượng	0		
				Diện tích (m2)	0		
			Mượn, tạm	Số lượng	0		
				Diện tích (m2)	0		
		Số lượng chậu xí				581	
		Diện tích chỗ đi tiểu (m2) (nếu có)					
		Số lượng chậu rửa tay				326	
3	Nhà vệ sinh giáo viên	Kiên cố	Số lượng	78			
			Diện tích (m2)	473			
		Bán kiên cố	Số lượng	0			
			Diện tích (m2)	0			
		Mượn, tạm	Số lượng	0			
			Diện tích (m2)	0			
4	Số NVS có đủ nước và xà phòng rửa tay			78			
5	Số công trình nước sạch			11			
6	Số trường có đủ nước uống và sinh hoạt			11			
7	Hình thức dọn dẹp (số trường)	Thuê dịch vụ dọn dẹp, vệ sinh					
		Giao cho giáo viên, nhân viên			11		
		Hình thức khác					

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**TỔNG HỢP RÀ SOÁT NHÀ VỆ SINH VÀ CÔNG TRÌNH NƯỚC SẠCH
TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON**

(Kèm theo Báo cáo số 52 /UBND- BC ngày 22 tháng 4 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

	Tên Huyện (Quận)			Cần Giờ	Tổng cộng	
1	Nhà vệ sinh trẻ em nam	Công trình khép kín	Kiên cố	Số lượng	62	
				Diện tích (m2)	632.8	
			Bán kiên cố	Số lượng	0	
				Diện tích (m2)	0	
			Mượn, tạm	Số lượng	0	
				Diện tích (m2)	0	
		Công trình liên kế	Kiên cố	Số lượng	0	
				Diện tích (m2)	0	
			Bán kiên cố	Số lượng	0	
				Diện tích (m2)	0	
			Mượn, tạm	Số lượng	0	
				Diện tích (m2)	0	
		Số lượng chậu xí				581
Số lượng chậu tiểu				581		
Diện tích chỗ đi tiểu (m2) (nếu không có chậu tiểu)						
Số lượng chậu rửa tay				319		
2	Nhà vệ sinh trẻ em nữ	Công trình khép kín	Kiên cố	Số lượng	69	
				Diện tích (m2)	704.2	
			Bán kiên cố	Số lượng	0	
				Diện tích (m2)	0	
			Mượn, tạm	Số lượng	0	
				Diện tích (m2)	0	
		Công trình liên kế	Kiên cố	Số lượng	0	
				Diện tích (m2)	0	
			Bán kiên cố	Số lượng	0	
				Diện tích (m2)	0	
			Mượn, tạm	Số lượng	0	
				Diện tích (m2)	0	
		Số lượng chậu xí				581
Diện tích chỗ đi tiểu (m2) (nếu có)						
Số lượng chậu rửa tay				326		
3	Nhà vệ sinh giáo viên	Kiên cố	Số lượng	78		
			Diện tích (m2)	473		
		Bán kiên cố	Số lượng	0		
			Diện tích (m2)	0		
		Mượn, tạm	Số lượng	0		
		Diện tích (m2)	0			
4	Số NVS có đủ nước và xà phòng rửa tay			78		
5	Số công trình nước sạch			11		
6	Số trường có đủ nước uống và sinh hoạt			11		
7	Hình thức dọn dẹp (số trường)	Thuê dịch vụ dọn dẹp, vệ sinh				
		Giao cho giáo viên, nhân viên			11	
		Hình thức khác				



**TỔNG HỢP RÀ SOÁT NHÀ VỆ SINH VÀ CÔNG TRÌNH NƯỚC SẠCH
TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

(Kèm theo Báo cáo số 1522 /UBND- BC ngày 22 tháng 4 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc)

STT	Tên Huyện (Quận)		Cần Giờ	Tổng cộng
1	Nhà vệ sinh học sinh nam	Kiên cố	Số lượng	62
			Diện tích (m2)	1052
		Bán kiên cố	Số lượng	0
			Diện tích (m2)	0
		Mượn, tạm	Số lượng	0
			Diện tích (m2)	0
		Số lượng chậu xí		246
		Số lượng chậu tiểu		235
		Diện tích chỗ đi tiểu (m2) (nếu không có chậu tiểu)		0
2	Nhà vệ sinh học sinh nữ	Kiên cố	Số lượng	62
			Diện tích (m2)	1024
		Bán kiên cố	Số lượng	
			Diện tích (m2)	
		Mượn, tạm	Số lượng	0
			Diện tích (m2)	0
		Số lượng chậu xí		246
		Diện tích chỗ đi tiểu (m2) (nếu có)		0
		Số lượng chậu rửa tay		177
3	Nhà vệ sinh giáo viên	Kiên cố	Số lượng	68
			Diện tích (m2)	830
		Bán kiên cố	Số lượng	0
			Diện tích (m2)	0
		Mượn, tạm	Số lượng	0
			Diện tích (m2)	0

4	Số NVS có đủ nước và xà phòng rửa tay		68	
5	Số công trình nước sạch		16	
6	Số trường có đủ nước uống và sinh hoạt		16	
7	Hình thức dọn dẹp (số trường)	Thuê dịch vụ dọn dẹp, vệ sinh		
		Giao cho giáo viên, nhân viên	16	
		Học sinh tự quản	0	
		Hình thức khác	0	



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỎI

**TỔNG HỢP RÀ SOÁT NHÀ VỆ SINH VÀ CÔNG TRÌNH NƯỚC SẠCH
TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ**

(Kèm theo Báo cáo số 1522/UBND-BC ngày 22 tháng 4 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giỏi.)

STT	Tên Huyện (Quận)		Cần Giờ	Tổng cộng	
1	Nhà vệ sinh học sinh nam	Kiên cố	Số lượng	28	
			Diện tích (m2)	672	
		Bán kiên cố	Số lượng	0	
			Diện tích (m2)	0	
		Mượn, tạm	Số lượng	0	
			Diện tích (m2)	0	
		Số lượng chậu xí		108	
		Số lượng chậu tiểu		120	
		Diện tích chỗ đi tiểu (m2) (nếu không có chậu tiểu)		0	
Số lượng chậu rửa tay		93			
2	Nhà vệ sinh học sinh nữ	Kiên cố	Số lượng	28	
			Diện tích (m2)	672	
		Bán kiên cố	Số lượng	0	
			Diện tích (m2)	0	
		Mượn, tạm	Số lượng	0	
			Diện tích (m2)	0	
		Số lượng chậu xí		124	
		Diện tích chỗ đi tiểu (m2) (nếu có)		0	
		Số lượng chậu rửa tay		97	
3	Nhà vệ sinh giáo viên	Kiên cố	Số lượng	32	
			Diện tích (m2)	560	
		Bán kiên cố	Số lượng	0	
			Diện tích (m2)	0	
		Mượn, tạm	Số lượng	0	
			Diện tích (m2)	0	
4	Số NVS có đủ nước và xà phòng rửa tay		32		
5	Số công trình nước sạch		7		
6	Số trường có đủ nước uống và sinh hoạt		7		
7	Hình thức dọn dẹp (số trường)	Thuê dịch vụ dọn dẹp, vệ sinh		0	
		Giao cho giáo viên, nhân viên		7	
		Học sinh tự quản		0	
		Hình thức khác		0	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**TỔNG HỢP RÀ SOÁT NHÀ VỆ SINH VÀ CÔNG TRÌNH NƯỚC SẠCH
TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

(Kèm theo Báo cáo số 1522/UBND- BC ngày 22-tháng 4 năm 2019
của Ủy ban nhân dân Quận, huyện.....)

STT	Tên Huyện (Quận)		Cần Giờ	Tổng cộng
1	Nhà vệ sinh học sinh nam	Kiên cố	Số lượng	
			Diện tích (m2)	
		Bán kiên cố	Số lượng	
			Diện tích (m2)	
		Mượn, tạm	Số lượng	
			Diện tích (m2)	
		Số lượng chậu xí		
		Số lượng chậu tiểu		
		Diện tích chỗ đi tiểu (m2) (nếu không có chậu tiểu)		
		Số lượng chậu rửa tay		
2	Nhà vệ sinh học sinh nữ	Kiên cố	Số lượng	
			Diện tích (m2)	
		Bán kiên cố	Số lượng	
			Diện tích (m2)	
		Mượn, tạm	Số lượng	
			Diện tích (m2)	
		Số lượng chậu xí		
		Diện tích chỗ đi tiểu (m2) (nếu có)		
		Số lượng chậu rửa tay		
	giáo	Kiên cố	Số lượng	
			Diện tích (m2)	

3	Nhà vệ sinh viên	Bán kiên cố	Số lượng		
			Diện tích (m2)		
		Mượn, tạm	Số lượng		
			Diện tích (m2)		
4	Số NVS có đủ nước và xà phòng rửa tay				
5	Số công trình nước sạch				
6	Số trường có đủ nước uống và sinh hoạt				
7	Hình thức dọn dẹp (số trường)	Thuê dịch vụ dọn dẹp, vệ sinh			
		Giao cho giáo viên, nhân viên			
		Học sinh tự quản			
		Hình thức khác			